

NỘI DUNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2015
(Đối với các thí sinh dự tuyển ngạch giảng viên)

I. Thi ngoại ngữ, tin học

1. Thi Ngoại ngữ Tiếng Anh:

- Thi viết hoặc trắc nghiệm trình độ A2, thời gian 60 phút;
- Miễn thi môn ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:
 - a) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;
 - b) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam và được Hội đồng tuyển dụng viên chức cho miễn thi ngoại ngữ.

2. Thi Tin học

Thực hành trên máy vi tính, thời gian 30 phút

Nội dung: Soạn bài giảng theo nội dung cho trước trên máy vi tính bằng chương trình Powerpoint.

Các thí sinh tham gia thi tuyển chính thức phải đạt từ 50/100 điểm trở lên của các môn thi ngoại ngữ và tin học mới được dự thi các nội dung tiếp theo.

III. Thi kiến thức chung và thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành

1. Thi môn Kiến thức chung

- Hình thức thi: Thi viết, thời gian 120 phút.
- Nội dung thi tuyển: các nội dung về pháp luật viên chức, vị trí tuyển dụng; về công tác tư pháp, pháp luật; về giáo dục và đào tạo; những hiểu biết về Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp.

2. Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Thi viết thời gian 180 phút
- Nội dung thi: kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển;

3. Tài liệu tham khảo

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010
- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Điều lệ trường đại học ban hành kèm Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 6/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;
- Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;
- Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;
- Quyết định số 549/QĐ/TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể “Xây dựng trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”;
- Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Bản Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 823/QĐ-HT ngày 05/6/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày

27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2098/QĐ-ĐHLHN ngày 21/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội;

- Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy ngành luật của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2418/QĐ-ĐHLHN ngày 01/10/2014;

- Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm, vừa học (ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1806/QĐ-TCCB ngày 30/8/2011;

- Quy chế làm việc của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-ĐHLHN ngày 31/01/2013.

IV. Thi thực hành

Các thí sinh đạt từ 50/100 điểm trở lên của môn thi kiến thức chung và môn thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành mới được dự thi thực hành.

1. Hình thức thi: Thi giảng thử

Thí sinh thực hiện một phần bài giảng theo chuyên đề bốc thăm ngẫu nhiên; thời gian chuẩn bị 30 phút sau đó lên trình bày bài giảng và trả lời câu hỏi của Hội đồng.

2. Nội dung thi: Nội dung thi được xác định theo từng môn học được thí sinh đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau:

2.1. Môn Luật hình sự:

- a. Cấu thành tội phạm;
- b. Chủ thể của tội phạm;
- c. Trách nhiệm hình sự và hình phạt;

- d. Quyết định hình phạt;
- e. Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt;
- f. Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội.

2.2. Môn Tâm lý học

- a. Tâm lý học là một ngành khoa học;
- b. Ý thức và vô thức;
- c. Hoạt động nhận thức;
- d. Xúc cảm và tình cảm;
- e. Ý chí;
- f. Nhân cách.

2.3. Môn Tố tụng dân sự

- a. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc;
- b. Chứng minh trong tố tụng dân sự;
- c. Chứng cứ trong tố tụng dân sự;
- d. Phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự;
- e. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm
- f. Thủ tục tái thẩm dân sự.

2.4. Môn Pháp luật sở hữu trí tuệ

- a. Khái quát về quyền sở hữu trí tuệ;
- b. Đối tượng và chủ thể của quyền tác giả;
- c. Nội dung, giới hạn và thời hạn bảo vệ quyền tác giả;
- d. Điều kiện bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp mang đặc tính sáng tạo;
- e. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu và phân loại nhãn hiệu;
- f. Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

2.5. Môn Xây dựng văn bản pháp luật

- a. Khái niệm văn bản pháp luật;
- b. Tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật;
- c. Thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật;
- d. Soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật;

- e. Soạn thảo nội dung văn bản áp dụng pháp luật;
- f. Xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết.

2.6. Môn Luật đất đai:

- a. Pháp luật về giao đất, cho thuê đất;
- b. Pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- c. Pháp luật về thu hồi đất;
- d. Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất trong nước;
- e. Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất tại Việt Nam;
- f. Pháp luật về giá đất và các khoản thu tài chính từ đất đai.

2.7. Môn Luật thương mại:

- a. Bản chất pháp lý của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh;
- b. Bản chất pháp lý của công ty cổ phần;
- c. Bản chất pháp lý của công ty trách nhiệm hữu hạn;
- d. Khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản;
- e. Pháp luật về ủy thác mua bán hàng hóa và đại lý thương mại;
- f. Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại.

2.8. Các môn tài chính học, nguyên lý kế toán

- a. Tổng quan về tài chính;
- b. Tổng quan về thị trường tài chính;
- c. Nguồn vốn của doanh nghiệp - Huy động vốn;
- d. Đối tượng nghiên cứu của hạch toán kế toán
- e. Kế toán quá trình sản xuất
- f. Hình thức kế toán

2.9. Môn Công pháp quốc tế

- a. Khái niệm, đặc điểm của luật quốc tế;
- b. Các vấn đề pháp lý về điều ước quốc tế;
- c. Các vấn đề pháp lý về quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự;
- d. Cách xác định và quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia;

- e. Cách xác định và quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia;
- f. Giải quyết tranh chấp tại các cơ quan tài phán quốc tế.

2.10. Môn Pháp luật cộng đồng ASEAN

- a. Khái niệm, đặc điểm và nguồn của pháp luật cộng đồng Asean;
- b. Tự do hóa thuế quan và các biện pháp phi thuế quan;
- c. Quy tắc xuất xứ hàng hóa của Asean;
- d. Công nhận lẫn nhau trong thương mại dịch vụ;
- e. Các nội dung pháp lý về khu vực đầu tư Asean;
- f. Cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại của Asean.

2.11. Môn Luật thương mại quốc tế (áp dụng cho thí sinh thi tuyển giảng viên các môn Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ quốc tế, Pháp luật đa phương và đầu tư quốc tế, Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế)

- a. Trình bày những nội dung cơ bản của Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM);
- b. Trình bày những nội dung cơ bản của Hiệp định về tự vệ thương mại (SA);
- c. Trình bày khái quát về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế và pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;
- d. Trình bày những vấn đề pháp lý cơ bản về chào hàng và chấp nhận chào hàng theo qui định của Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG);
- e. Trình bày về các giai đoạn trong trình tự giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại WTO theo qui định của DSU;
- f. Trình bày về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại Trọng tài.

2.12. Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- a. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (c trong mục 2 của I);
- b. Đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945 (mục I của II);
- c. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946);

- d. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thống nhất Tổ quốc (1954 - 1975) - nội dung 1;
- e. Đường lối công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới;
- f. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

2.13. Môn Xã hội học

- a. Cơ cấu xã hội, các khái niệm có liên quan đến cơ cấu xã hội; các phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản;
- b. Giai đoạn chuẩn bị trong một cuộc điều tra xã hội học;
- c. Các phương pháp thu thập thông tin thường được sử dụng trong điều tra xã hội học;
- d. Chuẩn mực xã hội;
- e. Sai lệch chuẩn mực xã hội;
- f. Dư luận xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành dư luận xã hội.

2.14. Môn Tiếng Anh

- a. Unit 3: What happened next, trang 22, 23;
- b. Unit 5: What do you want to do – Reading and Speaking, trang 42,43;
- c. Unit 6: Places and things – Listening and Speaking, trang 49;
- d. Unit 7: Fame – trang 54,55;
- e. Unit 8: Do's and Don'ts – Vocabulary and pronunciation, trang 68;
- f. Unit 10: Things that changed the world – Reading and Speaking, trang 82,83.